

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để thực hiện 10 dự án, với tổng diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng là 713,58306 ha, gồm: 565,32856 ha rừng trồng và 148,25450 ha rừng tự nhiên; theo mục đích sử dụng,

gồm: 48,91403 ha rừng phòng hộ, 118,62274 ha rừng sản xuất, 23,87457 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng phòng hộ và 522,17172 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng sản xuất (theo quy hoạch lâm nghiệp quốc gia).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các thông tin, tính pháp lý, sự chính xác về số liệu và các nội dung liên quan đến dự án.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTH ND (T)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

PHỤ LỤC:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên công trình/dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Nguồn gốc hình thành		Loại rừng				Diện tích sau khai thác trồng rừng trồng và rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng (ha)	Diện tích khác (ha)	Địa điểm
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc sản xuất			
1	Trạm cắt 500KV Quảng Trị 2 và các đường dây 500KV đầu nối	Ban quản lý dự án Điện 1	10,82300	6,35140		6,35140		6,33920		0,01220	0,12000	4,35160	Xã Cam Lộ
2	Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngự Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Trị)	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình	140,00000	128,92824		128,92824			0,08347	128,84477	2,99464	8,07712	Xã Sen Ngự
3	Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các Ngự Thủy Bắc, Ngự Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng	Công ty cổ phần khoáng sản Hoàng Long	503,00000	398,12860		398,12860		0,69310	23,79110	373,64440	6,29360	98,57780	Các xã Cam Hồng và xã Sen Ngự

TT	Tên công trình/dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Nguồn gốc hình thành		Loại rừng				Diện tích sau khai thác trồng rừng và rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng (ha)	Diện tích khác (ha)	Địa điểm	
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc sản xuất				
	Bình (nay là xã Cam Hồng và xã Sen Nư, tỉnh Quảng Trị)													
4	Trạm biến áp 500KV Lao Bảo (Hướng Hóa) và đường dây 220KV đầu nối	Ban quản lý Dự án điện 1	21,36540	1,96750		1,96750		0,40320		1,56430	6,31620	13,08170	Xã Khe Sanh	
5	Dự án Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp xã Diên Sanh	13,65889	7,45494		7,45494	1,90089			5,55405	1,47862	4,72533	Xã Mỹ Thủy	
6	Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị)	Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CIB	10,00000	8,55198		8,55198		0,09807		8,45391	1,44802		Xã Trung Thuần	
7	Quản thể du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí núi U Bò - Hồ Thác Chuối	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng trị	167,47744	158,60556	148,2545	10,35106	47,01314	109,27825		2,31417	1,62483	7,24705	Các xã Bồ Trạch, xã Thượng Trạch và xã Trường Sơn	

TT	Tên công trình/dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Nguồn gốc hình thành		Loại rừng				Diện tích sau khai thác trồng rừng và rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng (ha)	Diện tích khác (ha)	Địa điểm
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc sản xuất			
8	Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư phía Đông Nam đô thị Dinh Mười (Các lô BT-03, 04; TMDV-04, 05, 06)	Ủy ban nhân dân xã Ninh Châu	2,30785	2,13081		2,13081		1,79344		0,33737		0,17704	Xã Ninh Châu
9	Dự án Khu dân cư thôn Tân Định, Hiền Trung xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Quảng Ninh	0,60508	0,60508		0,60508		0,00212		0,60296			Xã Ninh Châu
10	Dự án Xây dựng công trình chống sạt lở đồi núi thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Minh Hóa	2,65591	0,85895		0,85895		0,01536		0,84359	1,51688	0,28008	Xã Minh Hóa
Tổng			871,89357	713,58306	148,25450	565,32856	48,91403	118,62274	23,87457	522,17172	21,79279	136,51772	